

Bản án số: **21/2018/HS-ST**

Ngày: 20 -11-2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN BẮC, TỈNH NINH THUẬN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:*** Ông Lâm Bách

***Các Hội thẩm nhân dân:*** ông Đoàn Hữu Hoan và ông Trần Thanh Sỹ

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Tùng – Thư ký Tòa án

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc tham gia phiên tòa:***  
ông Nguyễn Duy Luân – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 21/2018/HSST, ngày 01 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

**1. Trần Quốc D**, sinh năm: 1984, tại Ninh Thuận;

Nơi cư trú: k5, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận;

Nghề nghiệp: thợ hồ; trình độ văn hóa (học vấn): 03/12; Dân tộc: kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Thiên chúa; con ông Trần Quốc V và bà Đỗ Thị H; Vợ là Nguyễn Thị Thúy N, có 02 con; Tạm giữ, tạm giam: không; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 13-3-2003 bị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xử phạt 05 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”;

Ngày 13-8-2013 bị Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Đã chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Phan Rang Tháp Chàm trong một vụ án khác

*Có mặt tại phiên tòa.*

**2. Nguyễn Hoàng T**, sinh năm 1995 tại Ninh Thuận;

Nơi cư trú: thôn P2, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận;

Nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; Dân tộc: kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Con ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Thị Mai T; Vợ, con: chưa có; Tạm giữ, tạm giam: không; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: ngày 13-9-2011 bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình - thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Đã chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Phan Rang Tháp Chàm trong một vụ án khác.

*Có mặt tại phiên tòa.*

\* **Bị hại:** chị Nguyễn Thị L , sinh năm 1975, trú tại: thôn G, xã C, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

*Vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt.*

\* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** anh Nguyễn Thế P, sinh năm 1998;

Địa chỉ: thôn P1, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

*Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.*

\* **Người làm chứng:** bà Nguyễn Thị Lan, sinh năm 1971;

Địa chỉ: thôn P1, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

*Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn có tiền tiêu xài, Nguyễn Duy T rủ Trần Quốc D đi tìm tài sản để trộm cắp, D đồng ý. Khoảng 08 giờ ngày 12-5-2018, D mang theo một cây đoản phá khóa bằng kim loại dài 06cm, điều khiển xe mô tô biển số 85D1-005.49 chở T đi từ thành phố Phan Rang Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận theo đường Quốc lộ 1A ra huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận tìm tài sản trộm cắp. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, khi D đang điều khiển xe chở T chạy đến địa phận thôn G, xã C, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận, T nhìn thấy trong sân nhà chị Nguyễn Thị L có xe mô tô hiệu Sirius biển số 85V2-6508 nên nói với D dừng xe lại. D đứng ở ngoài cánh giới còn T đi vào dùng cây đoản mở khóa xe rồi nổ máy chạy về nhà D cất giấu. Sau đó, D điện thoại cho Nguyễn Hoàng T đến nhà lấy xe đi bán.

Do nhiều lần bán xe do D trộm cắp được nên khi nghe D điện thoại thì T biết D mới trộm được xe và đồng ý. T đến nhà D mua lại chiếc xe với giá 2.700.000đ, D và T chia nhau mỗi người 1.350.000đ. Sau đó, T nhờ Nguyễn Thế P tìm người bán giúp chiếc xe trên. P đã bán cho một người không rõ lai lịch ở thành phố Phan Rang Tháp Chàm với giá 3.200.000đ, số tiền thu lợi bất chính từ việc bán xe T cho P 200.000đ và hưởng lợi 300.000đ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 05/KLĐGTS ngày 09-7-2018 của Hội đồng định giá tài sản đã xác định giá trị của chiếc xe mô tô hiệu Sirius biển số 85V2-6508 trị giá 7.520.000đ.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ của Nguyễn Thế P 200.000đ do mẹ ruột (Nguyễn Thị L) nộp thay;

Về trách nhiệm dân sự: quá trình điều tra không thu hồi được xe mô tô bị mất nên chị L yêu cầu D phải bồi thường số tiền 7.520.000đ, D đồng ý nhưng chưa bồi thường.

Đối với Nguyễn Duy T đã bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan điều tra đã quyết định tách vụ án, tiếp tục điều tra làm rõ hành vi của T và xử lý sau.

Đối với Nguyễn Thế P là người được T nhờ bán xe nhưng không biết tài sản này do trộm cắp được mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự.

Đối với xe mô tô biển số 85D1 – 005.49 và đoạn kim loại dùng để mở khóa xe hiện cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phan Rang Tháp Chàm đang tạm giữ và xử lý trong một vụ án khác; hai chiếc điện thoại di động mà các bị cáo dùng liên lạc trong quá trình mua bán xe mô tô trộm cắp đã mất nên không thu giữ được.

\* Tại Bản cáo trạng số 19/CT-VKSTB ngày 31-10-2018 đã truy tố bị cáo Trần Quốc D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự (viết tắt BLHS); truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của BLHS.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Quyết định truy tố các bị cáo theo bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trần Quốc D phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Nguyễn Hoàng T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS xử phạt bị cáo Trần Quốc D từ 9 – 12 tháng tù. Áp dụng: Khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T 7 – 10 tháng tù.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (viết tắt BLTTHS) tuyên tịch số tiền thu lợi bất chính 200.000đ của Nguyễn Thế P và buộc Nguyễn Hoàng T phải nộp 300.000đ tiền thu lợi bất chính để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 585, 589 BLDS buộc bị cáo Trần Quốc D phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị L số tiền 7.520.000đ.

Về án phí: buộc các bị cáo Trần Quốc D, Nguyễn Hoàng T phải chịu án phí hình sự và dân sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thuận Bắc, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị hại (chị Nguyễn Thị L), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (anh Nguyễn Thế P), người làm chứng (bà Nguyễn Thị Lan) vắng mặt. Sự vắng mặt của những người này tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc đến

việc xét xử vụ án. Căn cứ vào Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa, bị cáo Trần Quốc D đã khai nhận hành vi lén lút vào nhà chị Nguyễn Thị L lấy trộm một xe mô tô hiệu Sirius màu xanh, biển số 85V2-6508 trị giá 7.520.000đ. Bị cáo Nguyễn Hoàng T không hứa hẹn trước với bị cáo D về việc sẽ mua lại tài sản trộm cắp được, nhưng biết được xe mô tô này là tài sản có được do trộm cắp mà vẫn mua với giá rẻ (2.700.000đ) để bán lại kiếm lời. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Trần Quốc D phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của BLHS; bị cáo Nguyễn Hoàng T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 BLHS. Việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc đối với các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Các Bị cáo từng bị kết án về các tội xâm phạm quyền sở hữu tài sản, lẽ ra phải sửa đổi, lao động lương thiện để tạo lập cuộc sống nhưng bị cáo Trần Quốc D lại tụ tập với những đối tượng khác tiếp tục trộm cắp tài sản, bị cáo Nguyễn Hoàng T dù biết tài sản do D bán là trộm cắp mà có nhưng vẫn mua đi bán lại kiếm lời, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiêu thụ tài sản. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; Gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân nên cần xử lý nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng dè dặt, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng: không có

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: các bị cáo đã tự thú khai báo hành vi phạm tội trên địa bàn huyện Thuận Bắc khi bị bắt tạm giam trong vụ án khác, quá trình điều tra đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đây là các tình tiết được quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 BLHS nên HĐXX có cân nhắc giảm nhẹ một phần về hình phạt cho các bị cáo.

[7] Quá trình điều tra, truy tố bị cáo D khai thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng với Nguyễn Duy T. Tuy nhiên, T đã bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan điều tra đã quyết định tách vụ án, tiếp tục điều tra làm rõ hành vi của T và xử lý sau là phù hợp.

[8] Đối với Nguyễn Thế P là người được T nhờ bán xe nhưng không biết tài sản này do trộm cắp được mà có nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với P là phù hợp.

[9] Về trách nhiệm dân sự: xe mô tô bị mất không thu hồi được, quá trình điều tra, bị cáo D và bị hại L đã thỏa thuận được mức bồi thường thiệt hại về tài sản là 7.520.000đ. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận thuận này.

[10] Biện pháp tư pháp: Quá trình điều tra đã thu giữ số tiền 200.000đ do Nguyễn Thế P giao nộp; đây là số tiền thu lợi bất chính từ việc bán tài sản trộm cắp

nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Đối với Nguyễn Hoàng T, quá trình mua bán xe mô tô thu lợi 300.000đ; đây cũng là số tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán tài sản do phạm tội mà có nên buộc Nguyễn Hoàng T phải nộp 300.000đ tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[11] Ý kiến của Kiểm sát viên về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[12] Về án phí: theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Trần Quốc D được giảm  $\frac{1}{2}$  án phí dân sự sơ thẩm, bị cáo D còn phải chịu 188.000đ án phí dân sự sơ thẩm (7.520.000đ x 2,5% ).

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

\* Tuyên bố: Bị cáo Trần Quốc D phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo Nguyễn Hoàng T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

\* Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm r, s khoản 1 Điều 51 của BLHS;

Xử phạt: bị cáo Trần Quốc D 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt thi hành án.

\* Áp dụng: Khoản 1 Điều 323, điểm r, s khoản 1 Điều 51 của BLHS;

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Hoàng T 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt thi hành án.

\* Về trách nhiệm dân sự: áp dụng khoản 1 Điều 48 của BLHS; Điều 585, 589, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Trần Quốc D và bị hại Nguyễn Thị L về việc bồi thường thiệt hại về tài sản. Buộc Trần Quốc D phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị L số tiền 7.520.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 BLDS tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

\* Biện pháp tư pháp: áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của BLHS; Điều 106 của BLTTHS;

Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng T phải nộp 300.000đ, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 200.000đ do Nguyễn Thế P đã nộp theo Ủy nhiệm chi số 16 lập ngày 05-11-2018.

\* Về án phí: Các bị cáo Trần Quốc D, Nguyễn Hoàng T mỗi người phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Trần Quốc D còn phải chịu 188.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Các bị cáo có mặt quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại (Nguyễn Thị L ), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Nguyễn Thế P) vắng mặt quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận:***

- Sở tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Thuận Bắc;
- Công an huyện Thuận Bắc;
- Bị cáo, Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS huyện Thuận Bắc;
- Lưu (hồ sơ, Án văn).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lâm Bách**